

Số: 230/QĐ-UBND

Thị trấn Hùng Sơn, ngày 18 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc công bố công khai tình hình thực hiện dự toán
ngân sách thị trấn 9 tháng năm 2024**

ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ TRẤN HÙNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 60/NQ-HĐND ngày 22/12/2023 của Hội đồng nhân dân thị trấn Hùng Sơn tại kỳ họp thứ 7 khóa II nhiệm kỳ 2021-2026,

Căn cứ kết quả thực hiện thu, chi ngân sách thị trấn 9 tháng năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu tình hình thực hiện dự toán ngân sách thị trấn 9 tháng năm 2024 của UBND thị trấn Hùng Sơn.

(Theo các biểu 113,114,115/CKTC-NSNN và thuyết minh kèm theo Quyết định này)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng Ủy ban nhân dân thị trấn, Bộ phận kế toán, các ban ngành liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng TC-KH huyện;
- Đảng ủy, HĐND xã;
- Lưu: VT-UBND.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Quang Hải

THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH THỊ TRẤN 9 THÁNG NĂM 2024

(Kèm theo quyết định số 230/QĐ-UBND ngày 18/10/2024
của UBND thị trấn Hùng Sơn)

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 60/NQ-HĐND ngày 22/12/2023 của Hội đồng nhân dân thị trấn Hùng Sơn tại kỳ họp thứ 7 HĐND thị trấn khóa II nhiệm kỳ 2021-2026;

UBND thị trấn Hùng Sơn thực hiện công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách 9 tháng năm 2024 theo các nội dung sau:

1. Cân đối ngân sách thị trấn 9 tháng năm 2024 (đính kèm biểu số 113/CK TC-NSNN)

- Tổng số thu: 12.045.863.700 đồng

Trong đó: + Các khoản thu xã hưởng 100%: 658.139.154 đồng

+ Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %: 4.119.192.642 đồng

+ Thu bổ sung: 4.124.470.000 đồng

+ Thu chuyên nguồn: 3.144.061.904 đồng

- Tổng số chi: 9.389.897.607 đồng

Trong đó: + Chi đầu tư phát triển: 2.181.225.400 đồng

+ Chi thường xuyên: 7.208.672.207 đồng

+ Chi chuyển nguồn: 0 đồng

2. Ước thực hiện thu ngân sách xã 9 tháng năm 2024 (đính kèm biểu số 114/CKTC-NSNN)

Tổng thu NSNN trên địa bàn thị trấn 9 tháng năm 2024: 12.045.863.700 đồng/12.153.000.000 đồng đạt 99,12% dự toán giao. Thu cân đối trên địa bàn xã 9 tháng năm 2024 thực hiện là: 4.777.331.796đồng/5.113.000.000 đồng đạt 90% so với dự toán HĐND thị trấn giao giao.

3. Ước thực hiện chi ngân sách xã 9 tháng năm 2024 (đính kèm biểu số 115/CKTC-NSNN)

Tổng chi ngân sách nhà nước xã 9 tháng năm 2024 là: 9.389.897.607 đồng/12.153.000.000 đồng đạt 80% kế hoạch giao.

Trong đó: + Chi đầu tư phát triển: 2.181.225.400 đồng

+ Chi thường xuyên: 7.208.672.207 đồng

4. Đánh giá về tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã 9 tháng năm 2024

Nhìn chung thu ngân sách nhà nước trên địa bàn xã 9 tháng năm 2024 đảm bảo tiến độ so với dự toán, theo đó đã đảm bảo nguồn để cân đối nhiệm vụ chi theo dự toán, đặc biệt là chi các nhiệm vụ an sinh xã hội, chính sách cho con người và các nhiệm vụ phát sinh khác.

Công tác chi ngân sách 9 tháng năm 2024 đã thực hiện theo đúng Luật ngân sách và dự toán giao đầu năm, các ban ngành đã chủ động xây dựng kế hoạch trên tinh thần tiết kiệm chi. Đáp ứng được nhu cầu chi thường xuyên cũng như đột xuất của bộ máy nhà nước, phục vụ cho việc phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Đảm bảo chi trả lương, phụ cấp cho cán bộ, công chức, kịp thời thanh toán khối lượng tạm ứng và công tác quyết toán các công trình đã hoàn thành đưa vào sử dụng.

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH THỊ TRẦN 9 THÁNG NĂM 2024

ĐVT: Đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN 9 THÁNG NĂM 2024	SỐ SÁNH (%)
A	B	I	2	3=2/I
I	TỔNG SỐ THU	12.153.000.000	12.045.863.700	99,12
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	290.000.000	658.139.154	226,94
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	4.823.000.000	4.119.192.642	85,41
3	Thu bổ sung	4.745.000.000	4.124.470.000	86,92
	- Thu bổ sung cân đối	2.928.000.000	2.196.000.000	75,00
	- Thu bổ sung có mục tiêu	1.817.000.000	1.928.470.000	106,13
4	Thu chuyển nguồn	2.295.000.000	3.144.061.904	137,00
II	TỔNG SỐ CHI	12.153.000.000	9.389.897.607	77,26
1	Chi đầu tư phát triển	-	2.181.225.400	
2	Chi thường xuyên	9.718.000.000	7.208.672.207	74,18
3	Dự phòng	140.000.000		
4	Tiết kiệm 10% chi thường xuyên	-		
5	Chi chuyển nguồn CCTL năm 2021 chuyển sang	2.295.000.000		

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH THỊ TRẤN 9 THÁNG NĂM 2024

ĐVT: Đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC TH 9 THÁNG NĂM 2024		SO SÁNH %	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	15.360.000.000	12.153.000.000	12.210.355.883	15.531.980.599	79,49	127,80
I	Các khoản thu 100%	290.000.000	290.000.000	283.082.500	283.082.500	97,61	97,61
	Phí, lệ phí	269.000.000	269.000.000	277.057.500	277.057.500	103,00	103,00
	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
	Thu từ hoạt động kinh tế và thu sự nghiệp			-			
	Thu phạt tịch thu khác theo quy định						
	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
	Đòng góp của nhân dân theo quy định						
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức cá nhân						
	Thu khác	21.000.000	21.000.000	6.025.000	6.025.000	28,69	28,69
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	8.030.000.000	4.823.000.000	7.597.771.479	4.494.249.296	94,62	93,18
1	Các khoản thu phân chia	870.000.000	710.000.000	1.169.578.687	1.010.674.287	134,43	142,35
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	70.000.000	70.000.000	375.056.654	375.056.654	535,80	535,80
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh			-			
	- Lệ phí trước bạ nhà đất	800.000.000	640.000.000	794.522.033	635.617.633	99,32	99,32

2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	7.160.000.000	4.113.000.000	6.428.192.792	3.483.575.009	89,78	84,70
	Thu thuế kho, n cè @Đnh	3.930.000.000	3.144.000.000	2.501.871.679	2.404.399.192	63,66	76,48
	Thu thuế TNCN tở thu thuế CN bÊt @éng s¶n	1.200.000.000	360.000.000	1.881.565.102	541.890.769	156,80	150,53
	Thu thuế TNCN tở SXKD	1.900.000.000	570.000.000	1.567.059.695	450.945.443	82,48	79,11
	Thuế TNCN khác	130.000.000	39.000.000	277.895.204	86.339.605	213,77	221,38
	Phí thuộc lĩnh vực TNMT, thu tiền sử dụng đất, thuế TTĐB			199.801.112			
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn	2.295.000.000	2.295.000.000	3.143.251.904	3.144.061.904	136,96	137,00
V	Thu kết dư ngân sách năm trước				3.486.116.899		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.745.000.000	4.745.000.000	1.186.250.000	4.124.470.000	25,00	86,92
	- Thu bổ sung cân đối	2.928.000.000	2.928.000.000	732.000.000	2.196.000.000	25,00	75,00
	- Thu bổ sung có mục tiêu	1.817.000.000	1.817.000.000	454.250.000	1.928.470.000	25,00	106,13

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH THỊ TRẤN 9 THÁNG NĂM 2024

ĐVT: Đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			ƯỚC TH 9 THÁNG NĂM 2024			SO SÁNH %		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI	12.153.000.000	-	12.153.000.000	9.209.897.607	2.181.225.400	7.028.672.207	75,78		45,22
1	Chi giáo dục	-	-	-	-	-	-			
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	-	-	-	-	-	-			
3	Chi y tế	103.680.000		103.680.000	78.408.000		78.408.000			
4	Chi văn hóa thông tin	30.000.000		30.000.000	26.154.800		26.154.800	87,18		87,18
5	Chi phát thanh truyền hình	6.000.000		6.000.000			-			
6	Chi thể dục thể thao	30.000.000		30.000.000	26.434.280		26.434.280	88,11		88,11
7	Chi bảo vệ môi trường	-	-	-	-	-	-			
8	Chi hoạt động kinh tế	35.000.000		35.000.000	-		-			
9	Chi hoạt động cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể	9.372.020.000		9.372.020.000	8.973.435.827	2.181.225.400	6.792.210.427	95,75		72,47

10	Chi cho công tác xã hội	141.300.000		141.300.000	105.464.700		105.464.700	74,64		74,64
11	Tiết kiệm 10% chi thường xuyên	-		-	-					
12	Dự phòng ngân sách	140.000.000		140.000.000	-					0,00
13	Nguồn CCTL năm 2023 chuyển sang	2.295.000.000		2.295.000.000						0,00

